

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 16/11/2020

V/v: “Ly hôn và chia tài sản chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Cẩm Thúy

*Các Thẩm phán:* Bà Lê Thị Minh Trang

Ông Thiềm Quốc Khanh

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Thị Hoàng Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:*** Ông Lâm Thành Them - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 16 tháng 11 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLPT-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Ly hôn và chia tài sản chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 11/2020/HNGĐ-ST ngày 08/5/2020 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 113/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Trần Thị L**, sinh năm 1977

Địa chỉ: Số 211A, KV. P, phường T, quận C, TP. Cần Thơ

Chỗ ở hiện nay: ấp Đ, xã ĐT, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: LS. Nguyễn Thanh Cần – Đoàn luật sư thành phố Cần Thơ

Bị đơn: Ông **Võ Văn M**, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số 211A, KV. P, phường T, quận C, TP. Cần Thơ

Người kháng cáo: Bà Trần Thị L.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày và yêu cầu:*

Bà và ông Võ Văn M tự nguyện chung sống vào năm 2000, đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến xung đột trong cuộc sống vợ chồng và đã ly thân từ đó đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, bà đã nhiều lần tìm cách khắc phục mâu thuẫn nhưng không được, tình cảm vợ chồng không còn không thể tiếp tục chung sống nên bà yêu cầu được ly hôn .

Về con chung: Bà và ông M có ba con chung: Võ Thị Kim S (nữ) sinh ngày 11/5/2002; Võ Thành N (nam) sinh ngày 12/8/2004; Võ Thành L (nam) sinh ngày 06/10/2007, hiện đang sống với ông M. Khi ly hôn bà đồng ý giao các con cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng. Bà đồng ý cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo lập được căn nhà cấp 4 tọa lạc trên phần đất có diện tích 154,5m<sup>2</sup> tại thửa 1942 tờ bản đồ số 4 được UBND quận C cấp GCNQSDĐ ngày 24/11/2007 do ông M đứng tên và một chiếc xe Honda hiệu Click mới mua trị giá 65.000.000đ, biển kiểm soát số 65B1 – 71442, do ông M đứng tên. Hiện các tài sản chung hiện do ông M quản lý và sử dụng. Khi ly hôn bà yêu cầu được chia và giao cho bà ½ giá trị tài sản nhà và xe theo giá do hội đồng định giá đã định là 145.000.000đ, ông M được sử dụng nhà, xe và các vật dụng sinh hoạt trong gia đình. Riêng về phần đất bà không yêu cầu chia, đồng ý giao cho ông M trọn quyền sở hữu theo quy định.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

*Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn ông Võ Văn M trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình chị của bà L về quan hệ hôn nhân, thời gian kết hôn, con chung. Ông Thống nhất ly hôn với bà L do không thể hàn gắn và đoàn tụ với nhau.

Về con chung: ông yêu cầu được tiếp tục nuôi 03 con chung và yêu cầu bà L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung: Vợ chồng tạo lập được căn nhà cấp 4 tọa lạc trên phần đất có diện tích 154,5m<sup>2</sup> tại thửa 1942 tờ bản đồ số 4 được UBND quận C cấp GCNQSDĐ ngày 24/11/2007 do ông M đứng tên và một chiếc xe Honda hiệu Click mới mua trị giá 65.000.000đ, biển kiểm soát số 65B1 – 71442, do ông M đứng tên. Hiện các tài sản chung hiện do ông quản lý và sử dụng. Đối với phần đất do cha mẹ tặng cho riêng ông.

Qua yêu cầu chia tài sản chung của bà L thì ông không đồng ý chia do bà L tự bỏ nhà đi là lỗi của bà L. Đối với vật dụng trong gia đình thì ông cũng không yêu cầu chia, không tranh chấp.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

Vụ việc được Tòa án nhân dân quận C hòa giải nhưng không thành nên đưa ra xét xử.

Tại bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2020/HNGĐ-ST ngày 08/05/2020 của Tòa án nhân dân quận C tuyên xử như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Võ Văn M.

2. Về con chung: Có 03 con chung Võ Thị Kim S (nữ) sinh ngày 11/5/2002; Võ Thành N (nam) sinh ngày 12/8/2004; Võ Thành L (nam) sinh ngày 06/10/2007. Giao con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 750.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 08/5/2020 cho đến khi các con tròn 18 tuổi.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà L theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Ông Võ Văn M được trọn quyền sử hữu căn nhà và vật kiến trúc xây dựng trên phần đất số 1942, tờ bản đồ số 04 được UBND quận C cấp GCNQSDĐ ngày 24/11/2007 do ông Võ Văn M đứng tên, tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, TPCT.

Ông Võ Văn M được trọn quyền sở hữu chiếc xe Honda hiệu Click biển kiểm soát 65B1-71442 (hiện đang do ông M quản lý và sử dụng).

Buộc ông Võ Văn M thanh toán cho bà Trần Thị L số tiền là 145.740.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) (tương đương ½ giá trị căn nhà vật kiến trúc và xe mô tô nhãn hiệu Click biển kiểm soát 65B1-71442).

4. Về nợ chung: Bà L và ông M khai thống nhất là không có nên không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020 nguyên đơn bà Trần Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm do Bản án sơ thẩm buộc bà cấp dưỡng cho 02 con là chưa hợp lý, hiện tại bà ở trọ, thu nhập 4.000.000/tháng. Nên bà yêu cầu được cấp dưỡng cho cháu N, cháu L giao nghĩa vụ lại cho ông M. Ngoài ra án sơ thẩm tuyên bà được nhận giá trị tài sản bằng tiền, nhưng không tuyên rõ theo quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, thì bị đơn sẽ kéo dài không thi hành án thì quyền lợi của bà sẽ không được đảm bảo.

*Tại phiên tòa hôm nay:*

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và kháng cáo. Bị đơn vẫn giữ nguyên như đã trình bày ở cấp sơ thẩm. Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

- Luật sư bảo vệ quyền lợi, nghĩa vụ cho nguyên đơn phát biểu: Phần quyết định của bản án dân sự không nêu về nghĩa vụ dân sự trong việc chậm thi hành án nên ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án, đề nghị cấp phúc thẩm điều chỉnh phần này. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con án sơ thẩm buộc bà L cấp dưỡng nuôi hai con là chưa phù hợp. Bởi lẽ bà L phải ở nhà thuê, làm công nhân thu nhập không ổn định nên việc yêu cầu cấp dưỡng nuôi hai con là gây khó khăn cho bà L, hơn nữa nghĩa vụ nuôi con là của cả cha lẫn mẹ, nên yêu cầu kháng cáo chỉ cấp dưỡng cho 01 con chung là có cơ sở chấp nhận. Luật sư đề nghị sửa án sơ thẩm chấp nhận kháng cáo của bà L.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí trong thời gian luật định nên xem xét hợp lệ về mặt hình thức.

+ Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm tuyên bà L được nhận ½ giá trị tài sản với số tiền là 145.740.000 đồng do ông M giao lại nhưng không tuyên nghĩa vụ dân sự do chậm thi hành án, điều này ảnh hưởng đến quyền lợi của người được thi hành án, đây là sai sót của cấp sơ thẩm. Do vậy, kháng cáo phần này của nguyên đơn là có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận.

Đối với kháng cáo yêu cầu cấp dưỡng nuôi 01 con chung: Ông M và bà L có tất cả 03 con chung, sau khi ly hôn cả ba con chung đều có nguyện vọng ở với ông M. Do vậy, cấp sơ thẩm giao con cho ông M nuôi và buộc bà L cấp dưỡng nuôi 02 con chung, mỗi con chung 750.000đồng/tháng. Bà L cho rằng bà ở nhà trọ, thu nhập không ổn định nên chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi 01 cháu. Nhận thấy, khi ly hôn bà L không trực tiếp nuôi con chung và bà cũng nhận được  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản tranh chấp, mức cấp dưỡng nêu trên là  $\frac{1}{2}$  mức lương tối thiểu theo quy định, nên yêu cầu kháng cáo của bà L là chưa phù hợp với thực tế và chưa đúng quy định nên không có cơ sở chấp nhận.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn đối với nghĩa vụ trả lãi do chậm thi hành án của người phải thi hành án. Không chấp nhận kháng cáo đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Ly hôn và chia tài sản chung” và giải quyết là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Hội đồng xét xử xét kháng cáo về cấp dưỡng nuôi con chung của bà L nhận thấy: Sau khi ly hôn bà L không trực tiếp nuôi con chung, mặc dù bà phải ở nhà trọ, làm công nhận thu nhập không ổn định, nhưng khi ly hôn bà cũng nhận được  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản chung của bà và ông M, trong khi trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của ông M nặng nề hơn bà L. Mức cấp dưỡng 750.000đồng/tháng là mức tối thiểu theo quy định, thực tế mức cấp dưỡng này không thể đủ chi phí cho một cháu một tháng, mức cấp dưỡng này chỉ phần nào để hỗ trợ cho các cháu học tập và sinh hoạt hằng ngày. Mặc khác việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn với người không trực tiếp nuôi con chung còn thể hiện sự ràng buộc về nghĩa vụ và trách nhiệm của cha mẹ đối với con chung sau ly hôn. Ngoài ra cháu Võ Thành N, sinh ngày 12/8/2004 thì thời gian cấp dưỡng nuôi cháu không còn dài. Nên những khó khăn mà bà L đề ra để yêu cầu cấp dưỡng một con là cháu N, còn cháu L giao lại cho ông M là không phù hợp, kháng cáo của bà L không được chấp nhận.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn về nghĩa vụ dân sự của người phải thi hành án trong giai đoạn thi hành án thì nhận thấy: Theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự về “Trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, điều này đã quy định cụ thể, và tại thông tư hướng dẫn về các mẫu bản án và quyết định của Tòa án và tại điều 13 của Nghị quyết 01 năm 2019 cũng đã quy định rất chi tiết và cụ thể về trường hợp này. Nhưng phần quyết định của bản án sơ thẩm không nêu rõ trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền của ông M đối với bà L là sai sót của cấp sơ thẩm, cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm đối với trường hợp này và các trường hợp tương tự về sau. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật, nên kháng cáo của bà L phần này là có căn cứ để cấp phúc thẩm xem xét và chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy yêu cầu kháng cáo của bà L và đề nghị của Luật sư chỉ có một phần được chấp nhận, không đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ kháng cáo như đề nghị của Luật sư đã nêu.

Quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo của bà L được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân : Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị L và ông Võ Văn M .

2. Về con chung: Có 03 con chung Võ Thị Kim S (nữ) sinh ngày 11/5/2002; Võ Thành N (nam) sinh ngày 12/8/2004; Võ Thành L (nam) sinh ngày 06/10/2007. Giao con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung cháu N và cháu L, mức cấp dưỡng cho mỗi con chung là 750.000đ/tháng, thời gian cấp dưỡng được tính từ ngày 08/5/2020 cho đến khi các con tròn 18 tuổi .

Dành quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung cho bà L theo quy định pháp luật, không ai được quyền ngăn cản .

3. Về tài sản chung: Ông Võ Văn M được trọn quyền sử hữu căn nhà và vật kiến trúc xây dựng trên phần đất số 1942, tờ bản đồ số 04 được UBND quận C cấp GCNQSDĐ ngày 24/11/2007 do ông Võ Văn M đứng tên, tọa lạc tại khu vực P, phường T, quận C, TPCT.

Ông Võ Văn M được trọn quyền sở hữu chiếc xe Honda hiệu Click biển kiểm soát 65B1-71442 (hiện đang do ông M quản lý và sử dụng).

Buộc ông Võ Văn M thanh toán cho bà Trần Thị L số tiền là 145.740.000đ (một trăm bốn mươi lăm triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) (tương đương  $\frac{1}{2}$  giá trị căn nhà vật kiến trúc và xe mô tô nhãn hiệu Click biển kiểm soát 65B1-71442) .

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về nợ chung: Bà L và ông M khai thống nhất là không có nên không đặt ra xem xét giải quyết, nếu sau này có ai tranh chấp sẽ tách ra giải quyết thành vụ án khác.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Số tiền 4.008.000đồng. Ông M bà L mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  số tiền này, tương đương 2.004.000đ. Do bà L đã tạm ứng trước và đã chi xong nên ông M có nghĩa vụ trả lại số tiền 2.004.000đ để giao trả lại cho bà L tại cơ quan Thi hành án .

6. Về án phí:

- Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn bà Trần thị L phải nộp 300.000đ, chuyển 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006505 ngày 07/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ sang án phí; bà L đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Về án phí cấp dưỡng: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000đ.

- Về án phí chia tài sản chung: Bà Trần Thị L phải nộp án phí có giá ngạch số tiền 7.287.000đ, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.312.000đ theo biên lai thu số 006504 ngày 07/06/2018 và số tiền 336.000đ theo biên lai thu số 006889 ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C, thành phố Cần Thơ. Bà L còn phải nộp án phí chi tài sản chung số tiền 3.639.000đ.

Ông Võ Văn M phải nộp án phí có giá ngạch số tiền 7.287.000đ.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị L được nhận lại 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 006076 ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận C, thành phố cần Thơ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- VKSND-TPCT
- TAND Q. C
- Các đương sự
- Chi Cục THADS Q.C
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Bùi Thị Cẩm Thúy**

## **CÁC THẨM PHÁN**

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Minh Trang – Thiềm Quốc Khanh**

**Bùi Thị Cẩm Thúy**

